

Sổ tay nhận dạng các loài  
thực vật thường gặp tại  
Vườn Quốc gia Tam Đảo  
(Sách dùng cho học sinh THPT)

---

**ĐƯỢC TÀI TRỢ BỞI THE RUFFORD SMALL GRANTS FOUNDATION**



**Sổ tay nhận dạng các loài thực vật thường gặp  
tại Vườn Quốc gia Tam Đảo  
(Sách dùng cho học sinh THPT)**

**Những người thực hiện: ThS. Nguyễn Anh Đức  
CN. Phạm Thị Hồng  
TS. Nguyễn Quang Huy  
ThS. Clemensy Harris  
CN. Alexander Benecke  
ThS. Đinh Thị Hải Yến  
CN. Đinh Chung Kiên**

**Hà Nội, 2015**

---

## **Lời cảm ơn/Acknowledgement**

Cuốn sách này được thực hiện nhờ sự tài trợ về kinh phí của Quỹ Rufford Small Grants Foundation (UK) trong khuôn khổ dự án “Building a botanic specimen collection and a coloured guidebook for educating high school students in conservation at Tam Dao National park, Vietnam”.

Các tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban Quản lý Vườn Quốc gia Tam Đảo đã tạo mọi điều kiện thuận lợi trong suốt quá trình thực hiện khóa học ngoại khóa về bảo tồn thực vật cho học sinh THPT này.

*This guidebook is a part of the project “Building a botanic specimen collection and a coloured guidebook for educating high school students in conservation at Tam Dao National park, Vietnam” funded by the Rufford Small Grants Foundation (UK).*

*The authors also express their thanks to Tam Dao Management Board for their support during the implementation of the plant conservation class for high school students.*

**Tập thể tác giả/The authors**

## Mục lục

Lời cảm ơn/Acknowledgement.....	i
Mục lục.....	ii
<b>I. Ngành THÔNG ĐẤT - LYCOPODIOPHYTA.....</b>	<b>1</b>
Họ Thông đất – Lycopodiaceae .....	1
1. Loài Thông đất - <i>Lycopodiella cernua</i> (L.) Pic.Serm.....	1
Họ Quyển Bá - Selaginellaceae .....	1
2. Loài Quyển bá yếu - <i>Selaginella delicatula</i> (Desv.) AJst.....	1
3. Loài Quyển bá hoa đá - <i>Selaginella rolandi-principis</i> Alston .....	2
<b>II. Ngành NGÀNH DƯƠNG XỈ - POLYPODIOPHYTA .....</b>	<b>2</b>
Họ Ráng Nhiều Chân – Polypodiaceae .....	2
4. Loài Ráng quần lân hẹp - <i>Lepisorus sublinearis</i> (Tak.) Ching .....	2
5. Loài Ráng hòa mạc lưỡi - <i>Pyrrosia lingua</i> (Thunb.) Farw. ....	3
Họ Ráng gỗ nhỏ – Woodsiaceae .....	3
6. Loài Rau dớn malacca - <i>Diplazium malaccense</i> C.Presl .....	3
<b>III. Ngành NGÀNH THÔNG / NGÀNH HẠT TRẦN - PINOPHYTA .....</b>	<b>4</b>
Họ Bụt mọc - Taxodiaceae .....	4
7. Loài Xa mu - <i>Cunninghamia lanceolata</i> (Lamb.) Hook. f. ....	4
<b>IV. Ngành NGÀNH NGỌC LAN / NGÀNH HẠT KÍN - MAGNOLIOPHYTA....</b>	<b>4</b>
<b>IV.1. Lớp Ngọc Lan / Lớp Hai Lá Mầm - Magnoliopsida .....</b>	<b>4</b>
Họ Ô rô - Acanthaceae .....	4
8. Loài Tước sàng - <i>Justicia procumbens</i> L.....	4
9. Loài Bạc gié Wallich - <i>Leptostachya wallichii</i> Nees in Wall. ....	5
Họ Thích .....	5
10. Loài Thích năm thù - <i>Acer oliverianum</i> Pax in Hook.....	5
Họ Rau Dền - Amaranthaceae .....	6
11. Loài Cỏ sứt lá dài - <i>Achyranthes bidentata</i> var. <i>longifolia</i> Mak.....	6
Họ Cúc - Asteraceae .....	6
12. Loài Cỏ cứt lợn - <i>Ageratum conyzoides</i> L. ....	6
13. Loài Đơn buốt - <i>Bidens pilosa</i> L. ....	7
14. Loài Rau tàu bay - <i>Crassocephalum crepidioides</i> (Benth.) S. Moore.....	7
Họ Thu Hải Đường - Begoniaceae.....	8
15. Loài Thu hải đường - <i>Begonia semicava</i> Irmsch. Sec. Phamh. ....	8

16. Loài Thu hải đường lá lông - <i>Begonia villifolia</i> Irmsch. var. <i>australis</i> Irmsch.	8
Họ Vang - Caesalpiniaceae.....	9
17. Loài Móng bò tím - <i>Bauhinia purpurea</i> L.....	9
Họ Khoai Lang - Convolvulaceae.....	9
18. Loài Bìm tía - <i>Pharbitis purpurea</i> (L.) Voigt .....	9
Họ Bầu bí - Cucurbitaceae.....	10
19. Loài Su su - <i>Sechium edule</i> (Jacq.) Swartz .....	10
20. Loài Dây pop nhỏ - <i>Zehneria maysorensis</i> (W . & A .) Arnott .....	10
Họ Đỗ Quyên - Ericaceae.....	11
21. Loài Cà di gân đỏ - <i>Lyonia ovalifolia</i> var. <i>rubrovenia</i> (Merr.) Judd.....	11
Họ Thầu Dầu - Euphorbiaceae.....	11
22. Loài Chòi mồi pax - <i>Antidesma paxii</i> Mect. ....	11
23. Loài Bục bục - <i>Mallotus paniculatus</i> (Lamk.) Muel.-Arg.....	12
Họ Dẻ - Fagaceae .....	12
24. Loài Dẻ bắc giang - <i>Lithocarpus bacgiangensis</i> (Hick. & Cam.) A. Cam.....	12
25. Loài Dẻ chẻ - <i>Lithocarpus fissus</i> (Champ. ex Benth.) A. Camus .....	13
Họ Tai Voi - Gesneriaceae.....	13
26. Loài Má đào nhọn - <i>Aeschynanthus acuminatus</i> Wall. ....	13
Họ Long Não - Lauraceae.....	14
27. Loài Màng tang - <i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers. ....	14
28. Loài Bời lời helfer - <i>Litsea helferi</i> Hook.f. ....	14
Họ Bông - Malvaceae.....	15
29. Loài Bụp vang - <i>Abelmoschus moschatus</i> Medik.....	15
Họ Trinh nữ - Mimosaceae.....	15
30. Loài Mán đĩa poilane, Cút ngựa poilane - <i>Archidendron poilanei</i> (Kost.) I. Niels.....	15
Họ Dâu Tằm - Moraceae .....	16
31. Loài Ngái vàng - <i>Ficus fulva</i> Reinw. ex Bl.....	16
32. Loài Rù rì cuống dài - <i>Ficus ischnopoda</i> Miq.....	16
Họ Đơn Nem - Myrsinaceae .....	17
33. Loài Thiên lý hương - <i>Embelia parviflora</i> Wall. ex A. DC.....	17
34. Loài Lá khô - <i>Ardisia silvestris</i> Pit. ....	17
Họ Chua me đất - Oxalidaceae .....	18

35. Loài Me đất hường - <i>Oxalis corymbosa</i> DC. ....	18
Họ Mã Đề - Plantaginaceae .....	18
36. Loài Mã đề á - <i>Plantago asriatica</i> L.....	18
Họ Rau răm – Polygonaceae.....	19
37. Loài Nghê gié mảnh - <i>Polygonum leptoscachyum</i> Bruyn .....	19
Họ Hoa Hồng - Rosaceae .....	19
38. Loài Ngậy lá hồng - <i>Rubus rosaefolius</i> J.E. Sm.....	19
Họ Cà phê - Rubiaceae .....	20
39. Loài Trang henry - <i>Ixora henryi</i> Levl.....	20
40. Loài Xú hương balansae - <i>Lasianthus balansae</i> (Drake) Pitard .....	20
41. Loài Bướm bạc nhẵn - <i>Mussaenda glabra</i> Vahl .....	21
Họ Hồng Xiêm - Sapotaceae .....	21
42. Loài Cồng sữa bắc bộ - <i>Eberhardtia tonkinensis</i> Lecomte.....	21
Họ Hoa mõm chó - Scrophulariaceae .....	22
43. Loài Lữ đặng cần - <i>Lindernia crustacea</i> (L.) F. Muell.....	22
Họ Cà - Solanaceae .....	22
44. Loài Cà ngủ - <i>Lycianthes biflora</i> (Lour.) Bitter .....	22
Họ Chè - Theaceae .....	23
45. Loài Gò đồng nách - <i>Gordonia axillaris</i> (Roxb.) Endl.....	23
Họ Gai - Urticaceae .....	23
46. Loài Phụ lệ có rễ - <i>Pellionia radicans</i> Wedd. in DC.....	23
Họ Cỏ Roi Ngựa - Verbenaceae .....	24
47. Loài Thơm ổi - <i>Lantana camara</i> L.....	24
<b>IV.2. Lớp Hành / Lớp Một Lá Mầm - Liliopsida .....</b>	<b>24</b>
Họ Thài Lài - Commelinaceae .....	24
48. Loài Trai thường - <i>Commelina communis</i> L.....	24
49. Loài Trai nhật - <i>Murdannia japonica</i> (Thunb.) Faden .....	25
Họ Lan - Orchidaceae.....	25
50. Loài Lan trúc – <i>Arundina graminifolia</i> (D. Don) Hochr. ....	25
51. Loài Thơ sinh lá nhỏ - <i>Zeuxine parvifolia</i> (Rendl.) Seid.....	26
Họ Gừng - Zingiberaceae .....	26
52. Loài Sa nhân giác - <i>Siliquamomum tonkinense</i> H. Baill.....	26
<b>Tài liệu tham khảo .....</b>	<b>27</b>

## I. Ngành THÔNG ĐẤT - LYCOPODIOPHYTA

### Họ Thông đất – Lycopodiaceae

#### 1. Loài Thông đất - *Lycopodiella cernua* (L.) Pic. Serm.

- **Mô tả:** Cỏ ở đất, thân bò rồi đứng, cao 20 - 60 cm, rộng đến 5 mm. Lá như vảy hẹp. Chùy ở chót nhánh, thòng, màu vàng, dài đến 1 cm. Lá bào tử khác lá thường, xoan tam giác, có rìa lông. Nang bào tử dạng xoan ngang, nở bằng hai mảnh.



- **Sinh thái học:** Cỏ nhiều năm, ưa sáng và từ chịu hạn đến ưa ẩm, thường mọc thành đám trong các trảng cây bụi thưa hay trảng cỏ thứ sinh ở ven rừng, trên vách đất đá và đất trống bỏ hoang, nhưng cũng có thể gặp ở đầm lầy ngập xâm xấp nước.

- **Công dụng:** Thành phần của các bó hoa nên gần đây bị khai thác nhiều.

### Họ Quyển Bá - Selaginellaceae

#### 2. Loài Quyển bá yếu - *Selaginella delicatula* (Desv.) Alst.



- **Mô tả:** Cỏ nhỏ, đứng, cao 10 - 50 cm, không lưỡng phân, có căn dài. Thân vàng, mang lá đơn, thưa. Ở nhánh lá bên cao 2,2 mm, lá giữa nhỏ. Chùy hẹp dài 5 - 35 mm. Lá bào tử đơn.

- **Sinh thái học:** Cỏ nhiều năm, ưa sáng và từ chịu hạn đến ưa ẩm, thường mọc thành đám trong các trảng cây bụi thưa hay trảng cỏ thứ sinh ở ven rừng, trên vách đất đá và đất trống bỏ hoang, nhưng cũng có thể gặp ở đầm lầy ngập xâm xấp nước.

- **Công dụng:** Chưa rõ

### 3. Loài *Quyển bá hoa đá* - *Selaginella rolandi-principis* Alston

- **Mô tả:** Cỏ có thân nằm rồi đứng, cao đến 40 cm, đáy thân có căn dài, mang lá cạnh dài 5 - 6 mm bìa trên có rìa lông, chót tà, khác lá giữa nhỏ, chót có mũ. Chùy với lá bào tử đơn nguyên.

- **Sinh thái học:** Cây trung sinh và ưa bóng, mọc dưới rừng rậm thường xanh, đất sét, lẫn đá, ẩm và giàu mùn do một số loại đá mẹ phong hóa ra.

- **Công dụng:** Chưa rõ

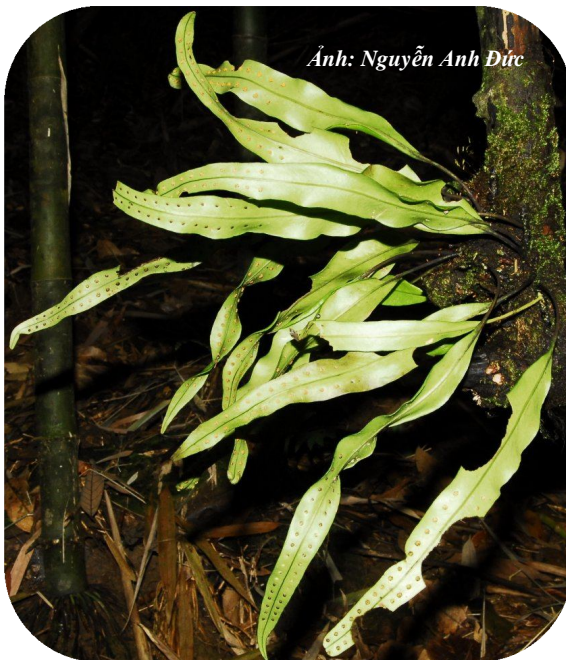


Ảnh: Nguyễn Anh Đức

## II. Ngành NGÀNH DƯƠNG XỈ - POLYPODIOPHYTA

### Họ Ráng Nhiều Chân – Polypodiaceae

#### 4. Loài *Ráng quần lân hẹp* - *Lepisorus sublinearis* (Tak.) Ching



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

- **Mô tả:** Cỏ có căn hành bò dài, to vào 2 mm, vảy nâu tươi. Lá cách nhau vào 1 cm, cuống dài 1 - 2 cm, phiến lá hẹp dài 30 - 40 cm, rộng 1 - 1,5 cm, đáy phiến từ từ hẹp trên cuống, gân phụ không rõ. Ổ túi bào tử hình xoan, dày, giữa gân giữa và bìa, ở 1/2 trên của phiến. Bào tử xoan hay hình thận. Không màu.

- **Sinh thái học:** Cây ưa ẩm và ưa bóng, thường sống bám trên cây gỗ hay khe đá giàu mùn trong rừng rậm thường xanh, trong đó có rừng mây mù ở độ cao 1700 m.

- **Công dụng:** Chưa rõ



**5. Loài Ráng hỏa mạc lưỡi - *Pyrrisia lingua* (Thunb.) Farw.**

- **Mô tả:** Căn hành bò dài mang vảy thon. Cuống 2 - 10 cm, mảnh, có đốt ở đáy; phiến khá đa dạng, tròn dài, nhỏ hay hẹp thon dài, 8 - 20 cm, dai, gân phụ rõ, mặt trên gần như không lông, mặt dưới có lông hình sao, màu vàng hoe. Ổ túi bào tử phủ trọn mặt dưới, màu nâu đỏ đậm; bào tử xoan, nâu lợt.

- **Sinh thái học:** Cây ưa ẩm, thường sống bám trên thân cây gỗ và bề mặt hay khe đá giàu mùn ở ven rừng rậm thường xanh.

- **Công dụng:** Chưa rõ.



**Họ Ráng gỗ nhỏ – Woodsiaceae**

**6. Loài Rau dớn malacca - *Diplazium malaccense* C. Presl**



- **Mô tả:** Cỏ nhiều năm, cao hơn 1 m. Cuống cao 30 cm; phiến dài 30 - 50 cm, một lần kép, lá chét vào 10 cặp, mỏng, cứng, có cuống dài 3 - 7 mm, đáy bất xứng, thùy sâu, bì nguyên hay có răng nhỏ; Lá chét ở chót có hình thể khác, có thùy sâu. Ổ túi bào tử dài đựng gân giữa và bì lá.

- **Sinh thái học:** Cây ưa ẩm và bóng ở độ cao 300 - 1700 m mọc trong rừng rậm thường xanh trong đó có mây mù và ven suối, đất có tầng dày và giàu mùn.

- **Công dụng:** Chưa rõ

### III. Ngành NGÀNH THÔNG / NGÀNH HẠT TRẦN - PINOPHYTA

#### Họ Bụt mọc - Taxodiaceae

##### 7. Loài Xa mu - *Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook. f.



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

- **Mô tả:** Cây gỗ trung bình, nhánh ngang hay thòng. Lá nhọn đến 3 - 7 cm, có 3 gân, mặt dưới mốc mốc hai bên gân chính. Nón đực chụm chụm ở chót nhánh, Nón cái to 3,5 - 4 cm, vảy mỏng, hạt 3 ở mỗi vảy, dài 2,5 cm, có cánh hẹp.

- **Sinh thái học:** chưa rõ.

- **Công dụng:** Thường trồng làm cảnh. Cây lấy gỗ.

### IV. Ngành NGÀNH NGỌC LAN / NGÀNH HẠT KÍN - MAGNOLIOPHYTA

#### IV.1. Lớp Ngọc Lan / Lớp Hai Lá Mềm - Magnoliopsida

#### Họ Ô rô - Acanthaceae

##### 8. Loài Tróc sàng - *Justicia procumbens* L.

- **Mô tả:** Cỏ nằm rồi đứng hay không, đa dạng, thân vuông, lóng dài, có lông. Lá có phiến thon hay tròn dài hẹp, có lông hay không, dài 1,5 - 5 cm, cuống ngắn hay dài. Gié ở ngọn, dài 2 - 5 cm, hoa ở nách một lá hoa như kim dài 5 mm, lá dài 4 mm, vành cao 8 mm, đỏ, hai môi, môi dưới 3 thùy, tiểu nhị 2. Nang cao 5 mm.

- **Sinh thái học:** Mọc ven đường, ven rừng, ven bờ nước, bãi cỏ. Ra hoa tháng 6 - 9, có quả tháng 9 - 11.

- **Công dụng:** Lá đắng, giải khát, chữa ho, trị suyễn, tiêu viêm. Toàn cây chữa mạo phát sốt, sung huyết, trẻ em cam tích suy dưỡng, lỵ, viêm ruột, viêm gan vàng da, sốt rét, viêm thận phù thũng, viêm đường tiết niệu, đái ra mật. Dùng ngoài giã cây tươi đắp chữa mụn nhọt và viêm mủ da, vết thương.



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

### 9. Loài Bạc gié Wallich - *Leptostachya wallichii* Nees in Wall.



- **Mô tả:** Cỏ bò rồi đứng, có thân không lông có rãnh. Lá có phiến xoan đen thon, dài đến 12 x 5 cm, mỏng, không lông, gân-phụ 4 - 5 cặp, cuống dài 1,5 - 3,5 cm. Hoa dạng gié mảnh, dài ở ngọn, chia nhánh, trục có lông có đốt. Lá đài có lông, dài 3 mm, vành trắng, không lông, cao 6 mm, tai gần như

bằng nhau, tiểu nhị 4. Nang cao 13 mm, có cọng, hạt 2.

- **Sinh thái học:** Ra hoa tháng 10 - 11.

- **Công dụng:** Chưa rõ

### Họ Thích

### 10. Loài Thích năm thù - *Acer oliverianum* Pax in Hook

- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ, nhánh nâu tia tía, có ít vảy nhỏ. Lá có 5 thù, dài 5 - 10 cm, thù tam giác, chót nhọn, bì có răng cưa. Cuống là dài 3 - 5 cm. Cụm hoa dạng tán ở chót nhánh. Lá đài lục tia tía, cánh hoa trắng trắng.

- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trong rừng thường xanh, ở độ cao 900 - 1200 m.

- **Công dụng:** Gỗ khá tốt, dùng làm cán công cụ hoặc cửa sổ, các đồ dùng gia đình. Hoa là nguồn mật nuôi ong. Hạt chứa dầu.



## Họ Rau Dền - Amaranthaceae

### 11. Loài Cỏ sườn lá dài - *Achyranthes bidentata* var. *longifolia* Mak

- **Mô tả:** Cỏ nhiều năm. Thân và lá gần như không lông, lá có phiến thon hẹp, dài 6 - 10 (20) cm, rộng 0,5 - 1,3 cm. Hoa gié. Cỏ mảnh, lông dài hơn 12 cm. Hoa trắng, lá dài 3,5 - 4 mm.

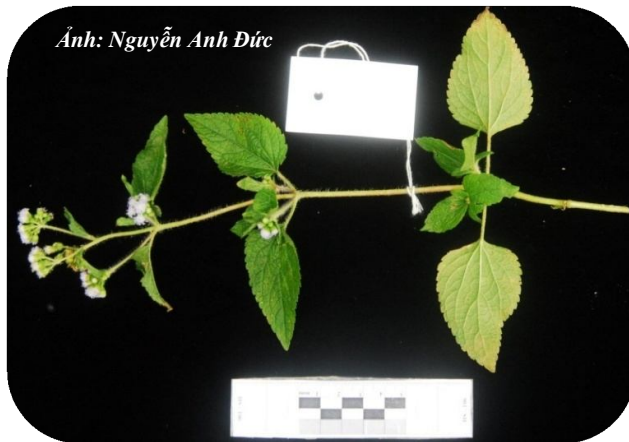
- **Sinh thái học:** Mọc rải rác ven rừng, ở độ cao 800 - 1200 m. Ra hoa tháng 10 - 12.

- **Công dụng:** Chưa rõ



## Họ Cúc - Asteraceae

### 12. Loài Cỏ cứt lợn - *Ageratum conyzoides* L.



- **Mô tả:** Cỏ một năm cao 20 - 50 cm, có nhiều lông mềm. Lá mọc đối, phiến mềm như nhung, đáy tà hay tròn, bìa có răng. Cụm hoa mọc ở chót thân. Hoa đầu tím tím hay trắng. Toàn hoa ống cao. Bề quả không lông, mang ở đầu 5 vảy thon nhọn, có răng.

- **Sinh thái học:** Cỏ nhiều năm, cao 60 - 100 cm, biên độ sinh thái rất rộng, có thể sinh trưởng và phát triển trên nhiều loại đất, ở độ cao dưới 1800 m. Nhiều nơi tạo thành quần thể lớn.

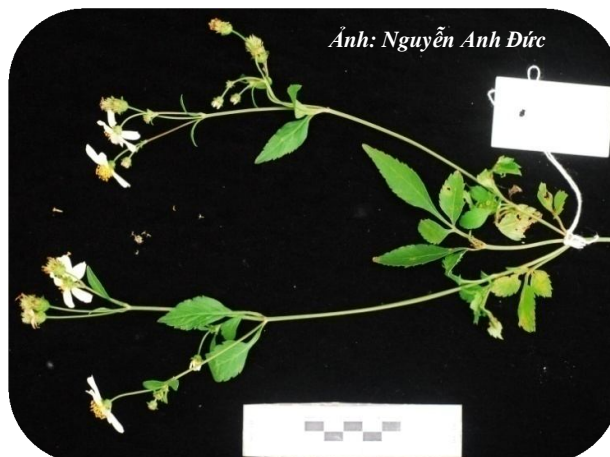
- **Công dụng:** Lá già và bánh tẻ có tác dụng chống viêm, chống dị ứng, chữa viêm mũi, viêm xoang dị ứng. Cây tươi giã nát lấy nước uống chữa rong huyết sau khi đẻ. Lá tươi nấu nước gội đầu sạch gàu, trơn tóc.

### 13. Loài Đơn buốt - *Bidens pilosa* L.

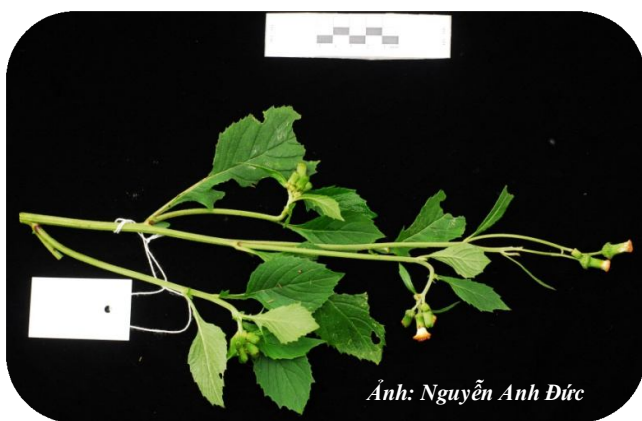
- **Mô tả:** Cỏ một năm cao 0,5 - 1 m. Lá mọc đối mang 3 lá chét hình bầu dục, bìa có răng, không lông hay có lông ngắn. Hoa dạng đầu có cọng dài, vàng với 5 hoa hình môi màu trắng bất thụ. Hoa hình ống lưỡng tính, giữa các vảy. Bề quả cao 0,5 - 1,3 cm, chót có 2 răng móc.

- **Sinh thái học:** Cỏ một năm, cao 50 - 100 cm. Mọc trên các bãi hoang, ven nương rẫy, bên đường, ở độ cao dưới 1500 m.

- **Công dụng:** Toàn cây chữa bệnh ngoài da, nấu lên uống chữa bệnh dị ứng, mẩn ngứa, sốt nóng, côn trùng độc cắn. Đối với người bị trĩ ngoại nấu nước đặc đổ ra thau ngâm rất hiệu quả.



### 14. Loài Rau tàu bay - *Crassocephalum crepidioides* (Benth.) S. Moore



có lông mào trắng, mịn.

- **Sinh thái học:** Cỏ 1 năm, cao 40 - 80 cm. Mọc ở các bãi phù sa bên sông, bãi ẩm ven rừng, ven suối, đất trồng cây nông nghiệp.

- **Công dụng:** Lá và ngọn non làm rau ăn. Lá tươi giã nát hoặc nhai nát đắp các vết rạn cắn, rất cắn.

## Họ Thu Hải Đường - Begoniaceae

### 15. Loài Thu hải đường - *Begonia semicava* Irmsch. Sec. Phamh.

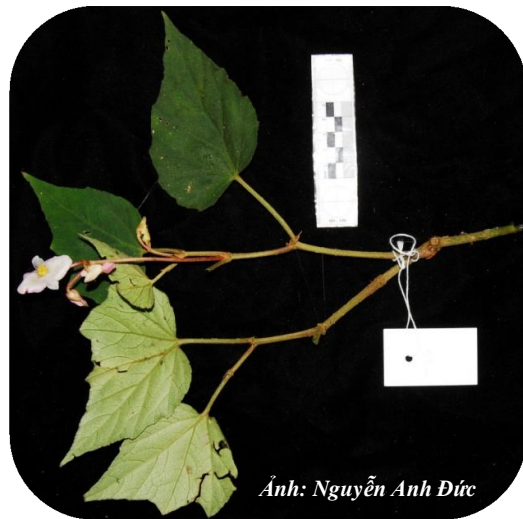
- **Mô tả:** Cỏ có thân ngắn, cao 2 - 3 cm, có vảy và rễ sai vị. Lá có phiến bất xứng, đáy hình tim, một bên rất to, gân từ đáy 3 - 5, chót tà nhọn, mặt trên nhám, mặt dưới có lông sét, bìa có rìa lông, cuống tròn, dài 10 - 15 cm, đầy lông phún màu sét. Cụm hoa tán, lưỡng phân, lá hoa tam giác, nụ đực to 2 - 4 mm. Hoa màu hồng nhạt.



- **Sinh thái học:** Chưa rõ

- **Công dụng:** Chưa rõ

### 16. Loài Thu hải đường lá lông - *Begonia villifolia* Irmsch. var. *australis* Irmsch.



- **Mô tả:** Cỏ có thân cao 40 - 60 cm, đỏ, có lông phún dài, cũng như cuống lá. Lá có phiến có thùy sâu, đáy hình tim bất xứng, gân từ đáy 3 - 5, bìa có rìa lông, cuống dài bằng phiến. Phát hoa dài bằng cuống mang 3 - 4 hoa, nụ tròn, to 1 cm, có lông. Hoa màu hồng.

- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trong rừng thưa, ở độ cao 1500 m. Ra hoa tháng 7 - 8.

- **Công dụng:** Chưa rõ

## Họ Vang - Caesalpiniaceae

### 17. Loài Móng bò tím - *Bauhinia purpurea* L.

- **Mô tả:** Cụm hoa to, ít hoa. Hoa to, thơm thơm, có màu đỏ tươi, đẹp, đài hình tàu, tiểu nhị thụ 3 - 4, lép 6 - 5, noãn sào có lông. Trái dẹp 15 - 25 x 2 cm. Hạt 12 - 15, rộng 12 - 13 mm.

- **Sinh thái học:** Gỗ nhỏ, cao 6 - 10 m. Có thể trồng ở độ cao tới 1500 m. Ra hoa tháng 11 - 3 (năm sau), có quả tháng 5 - 6.

- **Công dụng:** Làm cảnh vì hoa to, màu tím đẹp và có hương thơm thoang thoảng. Thân cho chất gôm. Vỏ chứa nhiều tanin, dùng chữa lỵ. Hoa có tác dụng gây xổ. Rễ dùng chữa sốt.



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

## Họ Khoai Lang - Convolvulaceae

### 18. Loài Bìm tía - *Pharbitis purpurea* (L.) Voigt



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

- **Mô tả:** Dây leo quấn, thân mảnh, có lông sát. Lá có phiến có 3 thùy sâu, đáy hình tim, gân từ đáy 5-7, có lông nằm sát, cuống 2-3 cm. Tụ tán 2-3 hoa, lá hoa hẹp, cao 1 cm, đài cao 1,3 cm, lá đài thon nhọn, có lông, vành có ống đỏ, tai lam-tím, tía hay đỏ, có 5 tia khác màu.

- **Sinh thái học:** Ra hoa tháng 12 - 3 (năm sau)

- **Công dụng:** Làm cảnh vì hoa đẹp. Làm thuốc chữa suyễn, khó thở, bụng đầy tức, giun đũa, sán sơ mít.

## Họ Bầu bí - Cucurbitaceae

### 19. Loài Su su - *Sechium edule* (Jacq.) Swartz

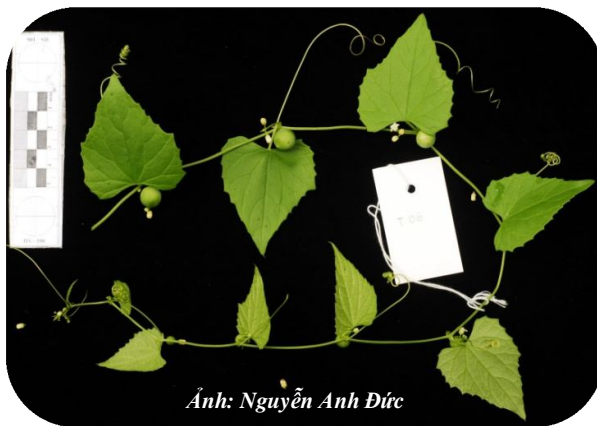
- **Mô tả:** Dây leo dài nhiều năm, vùi chẻ 2 - 3. Phiến lá to, xanh đậm, hình tim, có 3 - 5 góc, thường có 3 thùy, mặt trên nhám, mặt dưới có lông ngắn. Chùm đực dài 10 - 30 cm, hoa vàng. Hoa đực có 3 tiểu nhị, chỉ nhị dính nhau thành cột cao. Hoa cái đơn độc, noãn sào 1 buồng, 1 noãn. Quả xanh có gai mềm ít hoặc nhiều. Thịt quả xanh xanh, dày. Hạt 1, trắng, tròn dẹp.



- **Sinh thái học:** Cây trồng lấy rau và quả.

- **Công dụng:** Quả và ngọn non làm rau. Củ được ăn như khoai tây. Hoa hấp dẫn ong mật.

### 20. Loài Dây pọp nhỏ - *Zehneria maysorensis* (W. & A.) Arnott



- **Mô tả:** Cỏ leo 1 năm, thân mảnh, có lông cứng. Lá có phiến tròn hay 5 giác, có thùy hay không, có lông nhất là mặt dưới, cuống 2 - 5 cm. Cụm hoa 2 - 3 hoa. Hoa đực có vành cao 2 - 3 mm, vàng, có lông, tiểu nhị 3. Hoa cái cô độc, có cọng 3 - 5 mm, có tiểu nhị lép. Quả tròn hay xoan, đỏ, to 7 - 12 mm, hạt dẹp, có bìa rõ.

- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trong rừng thưa, ven đường, lùm bụi, ven nguồn nước.

- **Công dụng:** Lá làm rau



## Họ Đỗ Quyên - Ericaceae

### 21. Loài Cà di gân đỏ - *Lyonia ovalifolia* var. *rubrovenia* (Merr.) Judd

- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ, nhánh non có lông mịn trắng. Lá nhỏ, bầu dục hay xoan ngược, đáy nhọn, to 3,5 - 6 x 1,3 - 3,3 cm, bìa uốn xuống. Lá dài cao 6 - 7 mm. Phát hoa ngắn (dài 3 - 9 cm). Nang 4 mm, 5 mảnh, hạt dài.

- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trong rừng thứ sinh vùng đỉnh núi đất ở độ cao 1200 - 1800 m. Ra hoa tháng 5 - 6, có quả tháng 7 - 8.

- **Công dụng:** Chưa rõ



## Họ Thầu Dầu - Euphorbiaceae

### 22. Loài Chòi mòi pax - *Antidesma paxii* Mect.



- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ cao 3 - 6 m, nhánh non như nhung nâu vàng. Lá có phiến bầu dục hay xoan, to đến 13 x 4,5 cm, đầu tù, có mũi hay thon nhọn, mỏng, không lông trừ ở gân, mặt trên nâu, mặt dưới ôliu vàng lúc khô, cuống 5 - 7 mm, có lông, lá bẹ 5 - 8 mm. Phát hoa dài bằng lá hay ngắn hơn, phát hoa cái dài hơn. Hoa đực có 3 lá đài, 3 tiểu nhị và nhị cái lép. Hoa cái có noãn sào không lông, vòi nhụy 3. Quả to 7 mm, đỏ rồi đen.

- **Sinh thái học:** Mọc dưới tán rừng, trên đất feralit, ở độ cao 100 - 500 m.

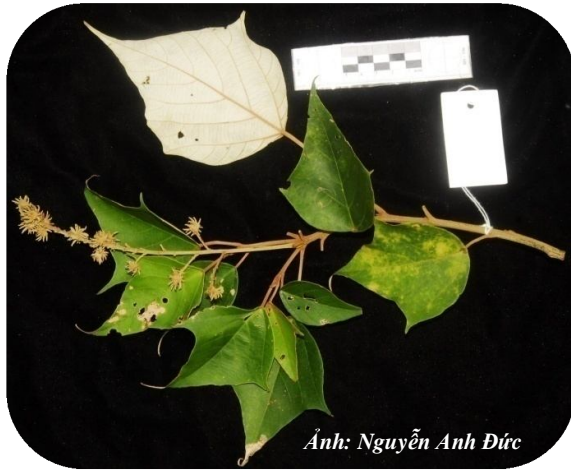
- **Công dụng:** Lá làm thuốc chống xuất huyết. Quả chín ăn được.

**23. Loài Bạc bạc - *Mallotus paniculatus* (Lamk.) Muel.-Arg.**

- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ hay lớn đến 20 m. Lá có phiến xoan tam giác hay hình thoi, có 3 thùy hay không, có 2 tuyến ở đáy phiến, mặt dưới có lông hình sao, cuống dài đến 18 cm. Phát hoa có lông nâu, dài 7 - 35; hoa đực có 50 - 50 tiểu nhị, hoa cái có noãn sào 2 - 3 buồng. Hạt tròn.

- **Sinh thái học:** Cây ưa sáng, mọc trong rừng thường xanh hay trên trắng cây bụi, trên đất sa phiến thạch sau nương rẫy hay nơi rừng bị phá, ở độ cao 100 – 1000 m.

- **Công dụng:** Gỗ làm diêm hay bột giấy. Vỏ làm thùng. Làm thuốc.



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

**Họ Dẻ - Fagaceae**

**24. Loài Dẻ bắc giang - *Lithocarpus bacgiangensis* (Hick. & Cam.) A. Cam.**



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

- **Mô tả:** Cây gỗ lớn, cành mảnh, không lông. Lá có phiến thon, to vào 12 x 3,5 cm, đầu nhọn, bìa dứng, mặt trên nâu láng, mặt dưới xám vàng lúc khô. Gân phụ 12 - 13 cặp, cuống 1 cm. Cụm hoa gié cao 10 cm, đầu dính chụm 3, rộng 1,5 cm.

- **Sinh thái học:** Gỗ trung bình đến to thường xanh, cao 20 - 30 m, đường kính 40 - 70 cm. Cây trung tính, khi non ưa bóng, mọc trong rừng rậm nhiệt đới và cận nhiệt đới nguyên sinh hoặc thứ sinh, trên đất giàu mùn, ở độ cao 500 - 2000 m.

- **Công dụng:** Gỗ dùng trong xây dựng, đóng đồ gia dụng, đóng tàu thuyền. Vỏ chứa tanin.

- **Tình trạng bảo tồn:** Sẽ nguy cấp (VU – Vulnerable).

**25. Loài Dẻ chẻ - *Lithocarpus fissus* (Champ. ex Benth.) A. Camus**

- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ, cao 5 - 15 m. Lá có phiến xoan ngược hay thon rộng, bìa có răng chót, mặt dưới đầy lông nâu. Cụm hoa dạng gié. Gié đực dài, hoa đực chụm 3 - 7. Gié cái ngắn hơn, hoa cái cô độc. Đầu quả tròn, hơi rộng bề ngang hơn chiều cao, bao tròn trái, vảy xếp thành 6 - 8 quãng ngang, nở nứt hai.

- **Sinh thái học:** Cây ưa sáng, mọc rải rác trong rừng nhiệt đới, trên các sườn dốc dưới 1000 m. Ra hoa tháng 6 - 7, có quả tháng 10 - 12.

- **Công dụng:** Gỗ mềm, khá nhẹ, dùng trong xây dựng, làm đồ dùng gia đình. Hạt ăn được, có thể dùng nấu rượu. Vỏ chứa nhiều tanin.



**Họ Tai Voi - Gesneriaceae**

**26. Loài Má đào nhọn - *Aeschynanthus acuminatus* Wall.**



- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ phụ sinh, vỏ ở thân già xám trắng. Lá có phiến dày, mập mập, mặt dưới trắng trắng, mặt trên không lông, gân phụ rõ, mũi nhọn. Hoa trên chùm dài gần bằng lá, lá dài dính ở đáy, vành cao, đỏ, môi trên 2 thùy, tiêu nhị 4, đỏ, Nang dài 9 - 15 cm.

- **Sinh thái học:** Cây phụ sinh. Gặp trong rừng, ở độ cao 400 - 1500 m. Mùa ra hoa quả tháng 10 - 1 (năm sau).

- **Công dụng:** Làm thuốc chữa thân kinh suy nhược, viêm gan mãn tính.

## Họ Long Não - Lauraceae

### 27. *Loài Màng tang - Litsea cubeba (Lour.) Pers.*

- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ vào 10 m, nhánh non đầy lông đen. Lá vò thơm chanh, phiến bầu dục thon, dài 10 - 15 cm, chót tà hay nhọn, mỏng, có đốm trong, mặt dưới mốc mốc, cuống mảnh, 1,2 cm. Hoa đơn tính, mang 4 - 5 hoa, có 6 cánh hoa, màu vàng vàng, không lông. Tiểu nhị thụ 9. Hoa cái có 6 tiểu nhụy lép, 3 là tuyến. Quả đen, tròn, to 5 - 6 mm.

- **Sinh thái học:** Mọc rải rác hay tập trung thành đám nhỏ trong rừng thứ sinh hoặc rừng phục hồi sau nương rẫy, ở độ cao 100 - 1500 m. Ra hoa tháng 2 - 3, có quả tháng 7 - 8.

- **Công dụng:** Hạt cho dầu dùng trong kỹ nghệ xà phòng. Vỏ cành, lá và vỏ quả cho tinh dầu thơm làm hương liệu và làm thuốc. Rễ trị ngoại cảm nhức đầu, phong thấp, đau nhức xương, kinh nguyệt không đều. Quả chữa ăn uống không tiêu. Lá trị viêm mủ đỏ, chữa rắn cắn.



### 28. *Loài Bời lời helper - Litsea helferi Hook. f.*

- **Mô tả:** Nhánh đen đen, không lông. Lá có phiến bầu dục, to 6 - 15 x 5 - 6 cm, dày dày, cứng, mặt trên nâu lu, gân tam cấp rất mịn, mặt dưới nâu, gân phụ 6 - 7 cặp, mịn; cuống 1 - 1,2 cm, đen. Phát hoa có cọng 1 cm; tán đực rộng 8 mm, bao hoa đen lúc khô, phiến hoa 6, không lông, tiểu nhị 12. Cọng trái 1 cm; trái to, cao 3,2 cm, đen, trên đầu rộng 1 cm.



- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trong rừng thường xanh ở độ cao 800 - 1000 m. Có quả tháng 11 - 12.

- **Công dụng:** Chưa rõ.

## Họ Bông - Malvaceae

### 29. Loài Búp vang - *Abelmoschus moschatus* Medik.



- **Mô tả:** Cỏ 1 năm, cao 20 - 50 cm, có lông nằm ngược, dễ đâm vào tay. Lá có phiến xẻ 3 - 5 thùy sâu, có lông nhám, cuống dài. Lá bẹ hình kim. Hoa cô độc, to, đẹp, vàng nghệ, tâm nâu đậm. Đài phụ 6 - 8 răng, đài hình tàu có 5 răng, nuốm nâu đen. Nang cao 4 - 5 cm, hạt 4 mm, hình thận, có sọc cong.

- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trên các bãi hoang, đồi hoang, nương rẫy, ven đường, lùm bụi. Ra hoa tháng 4 - 7, có quả tháng 7 - 9.

- **Công dụng:** Hạt có mùi xạ, rang uống như cô ca. Hạt lợi tiểu và chữa rắn cắn. Rễ dùng trị nhức mỏi chân tay, các khớp sưng đỏ đau, mụn nhọt, viêm dạ dày hành tá tràng và sỏi niệu. Lá trị táo bón.

## Họ Trinh nữ - Mimosaceae

### 30. Loài Mán đĩa poilane, Cứt ngựa poilane - *Archidendron poilanei* (Kost.) I. Niels.

- **Mô tả:** Cây gỗ lớn 15 m, nhánh nâu nâu, không lông. Cuống vào 2 cm, mang 1 cặp lá - phụ, mỗi lá phụ có 2 cặp lá chét, thon, đến 7,5 x 2,5 cm, gân phụ 4 - 5 cặp. Chùm mang hoa đầu to vào 17 mm, đài 3 mm, vành cao 7,5 cm, hình chuông, ống tiêu nhị dài bằng ống vành. Trái hình đôi, vào 8 x 2,7 cm, hạt 3 - 7, to 1,5 - 3 cm, nâu.

- **Sinh thái học:** Mọc trong rừng rậm thường xanh trên núi, ở độ cao 1000 - 2000 m, nơi đất granit lởm chởm đá và đất sét.

- **Công dụng:** Gỗ dùng trong xây dựng và đóng đồ mộc thông thường.



## Họ Dâu Tằm - Moraceae

### 31. Loài Ngái vàng - *Ficus fulva* Reinw. ex Blume



- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ, không phụ sinh lúc nhỏ, cành đầy lông phún, vàng. Lá có phiến xoan rộng, to, rộng 20 cm, gân từ đáy 5, bìa có răng, cuống dài, lá bẹ cao 2 cm. Quả dạng sung tròn, to 1,5 - 2 cm, đầy lông vàng, cứng, đứng. Hoa đực có 3 lá dài, 3 tiểu nhị.

- **Sinh thái học:** Mọc hoang rải rác ven rừng thứ sinh. Ra hoa tháng 1 - 3.

- **Công dụng:** Quả ăn được. Lá làm thức ăn cho gia súc. Rễ và vỏ dùng chữa phong

thấp, khí hư, trĩ, ỉa lỏng.

### 32. Loài Rừ rì cuống dài - *Ficus ischnopoda* Miq.

- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ 2 - 6 m, cành yếu, có lông vàng. Lá có phiến thon, gân đáy chỉ hơi dài 1 ít, gân phụ hơi cong, gần như không lông, mặt dưới tái, lá bẹ 1 cm. Sung có cọng dài, hình xá li, có 9 - 10 sóng, có khi không sóng. Hoa đực có 3 - 5 lá dài, 1 tiểu nhị. Hoa cái có 4 lá dài.

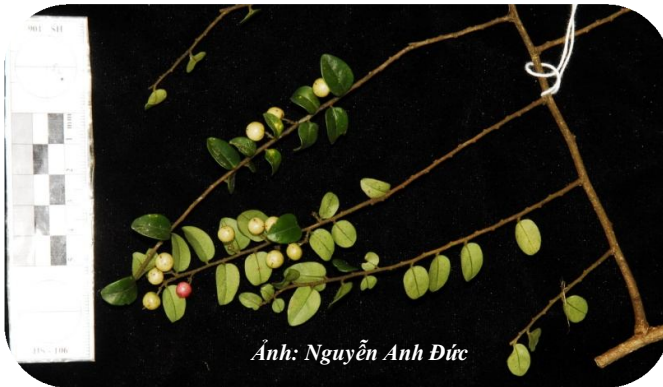


- **Sinh thái học:** Thường gặp ven suối, ở độ cao từ thấp đến 1500 m.

- **Công dụng:** Chưa rõ

## Họ Đơn Ném - Myrsinaceae

### 33. Loài Thiên lý hương - *Embelia parviflora* Wall. ex A. DC.



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

- **Mô tả:** Dây leo, nhánh trong một mặt phẳng, có lông nâu đỏ. Lá song đính, có thể hẹp, không lông trừ ở gân, gân phụ không rõ, bìa có thể có răng cưa, tuyến nâu, cuống rất ngắn. Cụm hoa có 1 - 4 hoa, có vảy nhỏ, rộng hoa 1 - 3 mm, đài nhỏ, cánh hoa trắng, có tuyến, dính nhau ở đáy. Tiểu nhị gắn trên cánh hoa. Trái tròn, to 4 - 6 mm, hạt 1, tròn.

- **Sinh thái học:** Mọc trong rừng dày hỗn giao, rừng lá rộng thường xanh, sườn đồi, nơi đất giàu mùn, nơi bóng râm, ở độ cao 300 - 1800 m. Ra hoa tháng 10 - 5 (năm sau), có quả tháng 5 - 12.

- **Công dụng:** Cả cây được dùng làm thuốc thông kinh, hoạt huyết, bổ thận, chứng không thụ thai, gãy xương, viêm ruột mãn tính.

- **Tình trạng bảo tồn:** Sẽ nguy cấp (VU – Vulnerable).

### 34. Loài Lá khô - *Ardisia silvestris* Pit.

- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ cao 0,5 - 2 m, không lông. Phiến lá thon ngược, dài đến 30 cm, đáy từ từ hẹp thành cuống có cánh, bìa có răng nhọn, mịn. Chùm kép ngoài nách lá, rộng hoa 10 - 12 mm, lá dài cao 1,5 mm, cánh hoa 3 mm. Trái tròn, đỏ chói, to 8 mm, hạt 1.



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

- **Sinh thái học:** Mọc trong rừng nguyên sinh và rừng thứ sinh, nơi ẩm nhiều mùn, ven suối. Ra hoa tháng 4 - 6, có quả tháng 1 - 2 và 9 - 12.

- **Công dụng:** Làm thuốc.

- **Tình trạng bảo tồn:** Sẽ nguy cấp (VU – Vulnerable).

## Họ Chua me đất - Oxalidaceae

### 35. Loài Me đất hương - *Oxalis corymbosa* DC.



- **Mô tả:** Cỏ nhỏ nhiều năm, có củ. Lá có cuống đứng cao, mang 3 lá phụ to 3 - 4 cm. Cụm hoa tán đơn hay kép, cao hơn lá, mang 5 - 10 hoa màu hương có sọc, cánh hoa 1 - 2 cm, tiểu nhị 10, bộ nhụy cái dài, có lông hay không mang 5 vòi nhụy. Hạt bung ra khi búng mạnh.

- **Sinh thái học:** Mọc dại ở bãi hoang, vườn ruộng hoang, trên các cao độ tới 1500 m. Ra hoa tháng 4 - 8.

- **Công dụng:** Lá chua luộc ăn chung với rau muống, lợi tiểu và mát. Lá nghiền, hãm với nước sôi hoặc toàn cây sắc uống có tác dụng giải nhiệt trị kiết lỵ.

## Họ Mã Đề - Plantaginaceae

### 36. Loài Mã đề á - *Plantago asiatica* L.

- **Mô tả:** Cỏ nhiều năm có rễ to. Lá chụm ở mặt đất, phiến xoan, hai đầu tù, bìa nguyên, dứng, có 5 gân chính, mỏng, không lông, cuống dẹp, dài. Cụm hoa dạng gié, đứng cao. Hoa nhỏ, trắng, không lông, lá dài bầu dục. Tiểu nhụy 4.

- **Sinh thái học:** Cỏ nhiều năm, gặp trong môi trường ẩm, vùng núi cao 1000 - 1600 m. Mùa hoa tháng 12 - 1, quả chín tháng 4 - 5.



- **Công dụng:** Làm thuốc chữa đái buốt, tả, lỵ, ho lâu ngày, viêm phế quản, mắt đỏ sưng đau.



## Họ Rau răm – Polygonaceae

### 37. Loài Nghễ gié mảnh - *Polygonum leptoscachyum* Bruyn



- **Mô tả:** Cỏ đa niên, cao 50 - 80 cm. Lá có phiến thon, dài 8 - 15 cm, có lông ở mặt dưới, ít nhất cũng ở gân, lá kèm có lông dài ở miệng. Gié 1 - 5, dài 10 - 20 cm, hoa có 3 vôi nhụy. Bể quả có 3 cạnh, trong bao hoa còn lại có tuyến.

- **Sinh thái học:** Mọc ở nơi đất ẩm ven rừng, ven suối, bờ sông ngòi, nương rạch, ao hồ, ruộng nước bỏ hoang. Ra hoa quả tháng 10 - 11.

- **Công dụng:** Chưa rõ

## Họ Hoa Hồng - Rosaceae

### 38. Loài Ngậy lá hồng - *Rubus rosaefolius* J. E. Sm.

- **Mô tả:** Cây bụi, thân có lông mịn, có gai nhỏ, cong hay ngay. Lá kép do 3 hoặc 7 lá chét, mọc đối, xoan thon to 2 - 4 x 1 - 2 cm, có lông, gân phụ 8 - 10 cặp, bìa có răng kép, lá bẹ hẹp, nhọn. Hoa 1(3) ở chót nhánh, thơm, có tuyến có cọng, cọng hoa 2 - 3 cm, lá đài thon nhọn, dài 1 cm, có lông. Cánh hoa tròn, trắng. Tiểu nhị nhiều, ngắn hơn lá hoa. Trái thành đầu trong to 2 cm, ăn được.



- **Sinh thái học:** Mọc rải rác ven đồi, ở độ cao trên 1000 m. Ra hoa tháng 3 - 4, có quả tháng 6 - 7.

- **Công dụng:** Quả chín ăn được. Rễ dùng làm thuốc trị đau bụng, ho viêm phổi, đau răng, ra mồ hôi trộm, đau cơ. Hạt hay lá nghiền với dầu vừng bôi trị bỏng.

## Họ Cà phê - Rubiaceae

### 39. Loài *Trang henry* - *Ixora henryi* Levl.



- **Mô tả:** Bụi không lông; cành non đẹp đẹp. Lá có phiến bầu dục đến thon, to 6 - 12 x 2 - 4,5 cm, chót thon nhọn, gân-phụ 11 cặp, nâu dợt mặt trên; cuống dài 3 - 7 mm, lá bẹ 7 - 15 mm, có mũi dài. Phát hoa ở ngọn, cao 2 - 5 cm; hoa trắng hay hường, đài cao 2 mm; vành có ống dài 25 - 40 mm, tai 5 mm. Quả nhân cứng đen, to 8 x 7 mm; hạt 2, cao 5 - 6 mm.

- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trong rừng thứ sinh. Ra hoa tháng 2 - 4, có quả tháng 7

- 10.

- **Công dụng:** Chưa rõ

### 40. Loài *Xú hương balansa* - *Lasianthus balansae* (Drake) Pitard

- **Mô tả:** Cây bụi, cành non mảnh, vuông vuông, không lông trừ ở mặt dưới có lông phún. Phiến thon to 6 - 12 x 2 - 4,5 cm, chót có đuôi dài, đáy tà hay nhọn, gân phụ 7 cặp, mảnh, lồi ở mặt dưới, nham nhám, cuốn 4 - 6 mm, lá bẹ tam giác, cao 4 - 5 mm. Tán nhỏ, ít hoa ở nách lá. Hoa nhỏ, trắng, vành có ống 4 mm, có lông ở cổ. Quả nhân cứng đen, không lông.



- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trong rừng thứ sinh, ở độ cao 300 - 700 m.

- **Công dụng:** Chưa rõ.

#### 41. Loài *Bướm bạc nhẵn* - *Mussaenda glabra* Vahl



- **Mô tả:** Cây gỗ nhỏ trườn hay đứng; cành tròn có lông dài. Lá có phiến thon, to vào 10 x 2,7 cm, chót có đuôi 1 - 2 cm, không lông, gân phụ vào 10 cặp; cuống 1 cm, lá bẹ cao 5 - 7 mm chẻ hai. Phát hoa thưa; lá đài 1 - 2,5 mm, lá đài dạng cánh xoan, rộng 1 - 3,5 cm, trắng; vành có ống 2,5 - 3 cm, tai 6 mm. Phì quả xoan, đen, cao 10 - 13 mm.

- **Sinh thái học:** Ra hoa tháng 2 - 11, có quả tháng 11 - 12.

- **Công dụng:** Chưa rõ

#### Họ Hồng Xiêm - Sapotaceae

#### 42. Loài *Công sữa bắc bộ* - *Eberhardtia tonkinensis* Lecomte



- **Mô tả:** Cây gỗ cao 10 - 15 m, nhánh non có lông sét dày. Lá có phiến bầu dục, to 13 - 17 x 4 - 6 cm, tù ở hai đầu, lúc non đầy lông tơ hoe, lúc già mặt trên không lông, mặt dưới đầy lông, gân phụ nhiều (15 - 18 cặp), cuống 1,5 cm, lá bẹ tam giác, cao 1 cm, màu rưng. Chụm ở nách lá, hoa trắng, đài đầy lông nâu, vành do cánh hoa dính nhau ở đáy, tiểu nhị lép 5, noãn sào không lông. Trái mập, có cọng to, có nhân cứng. Hạt dài 2 - 2,5 cm, có thẹo dài.

- **Sinh thái học:** Gỗ, cao 10 - 20(25) m. Mọc trong rừng hỗn giao, rừng nguyên sinh hay thứ sinh ở độ cao 100 - 1800m. Ra hoa tháng 4 - 5, có quả tháng 8 - 9.

- **Công dụng:** Gỗ tốt, không bị mọt, dùng làm nhà, đóng đồ gia đình. Hạt có tỷ lệ dầu cao (50 - 60%), dùng ăn thay mỡ.

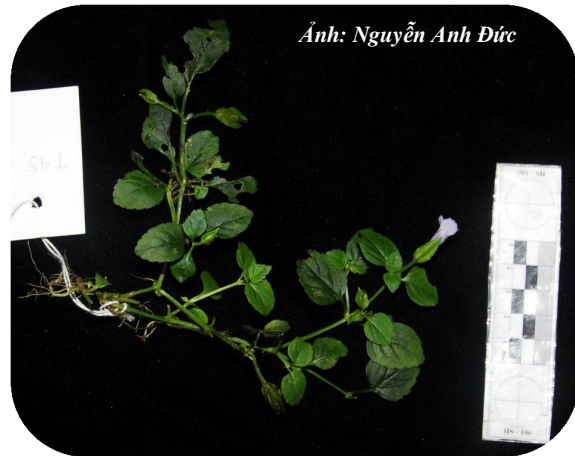
## Họ Hoa mõm chó - Scrophulariaceae

### 43. Loài Lữ đằng cần - *Lindernia crustacea* (L.) F. Muell.

- **Mô tả:** Cỏ một năm nhỏ, bò rồi đứng, có rễ ở mắt. Lá mọc đối, phiến xoan, bìa có răng thưa, không lông trừ ở bìa, cuống ngắn. Hoa cô độc trên cọng.

- **Sinh thái học:** Cây ưa sáng. Gặp ở các bãi hoang, ruộng hoang, sân vườn, ven đường, ven rừng, ở độ cao đến 1500 m.

- **Công dụng:** Cây được dùng làm thuốc chữa lỵ do trực trùng, viêm ruột, rối loạn tiêu hóa, viêm gan, viêm thận, dùng ngoài chữa mụn nhọt, eczema, rần cần.



## Họ Cà - Solanaceae

### 44. Loài Cà ngũ - *Lycianthes biflora* (Lour.) Bitter

- **Mô tả:** Cỏ cao 1 m, nhiều nhánh không lông. Lá có phiến thon, đáy từ từ hẹp trên cuống, đầu có mũi, có lông mịn, trắng trắng mặt dưới, cuống có lông. Hoa cô độc hay từng cặp ở nách lá cọng dài 1 - 1,5 cm. Đài có lông, có 10 răng;

- **Sinh thái học:** Gặp rải rác ở ven rừng, các bãi hoang, ruộng hoang, ven đường. Mùa hoa tháng 2 - 7, có quả tháng 10 - 12.

- **Công dụng:** Làm thuốc trị viêm phế quản mãn tính, hen phế quản. Cây tươi giã đắp trị mụn nhọt và viêm mủ da, vết thương chảy máu.



## Họ Chè - Theaceae

### 45. Loài Gò đồng nách - *Gordonia axillaris* (Roxb.) Endl.



- **Mô tả:** Cây gỗ cao 8 m, nhánh to, vỏ nứt dọc. Lá có phiến bầu dục tròn dài, đến 12 x 4 cm, chót tròn hay lõm, như da, không lông, gân phụ khó thấy, xanh đậm mặt trên, vàng xanh lúc khô. Hoa to, hồng hay trắng. Nang to cao 4 cm, có cánh ở đầu và đài còn lại có lông vàng vàng dày, hạt có cánh.

- **Sinh thái học:** Thường mọc trên núi đá vôi, ở độ cao 900 - 1500 m.

- **Công dụng:** Gỗ có thể dùng trong xây dựng. Hạt có thể ép lấy dầu. Lá và vỏ dùng trị phong thấp, vết tổn thương do va đập, đau bụng ỉa chảy. Quả cũng trị ỉa chảy.

## Họ Gai - Urticaceae

### 46. Loài Phu lệ có rễ - *Pellionia radicans* Wedd. in DC.

- **Mô tả:** Thân mập, bò dài phần chót đứng, có rễ bất định. Lá có phiến thon, bất xứng, chót nhọn, bì có răng thưa, có lông mịn ở gân mặt dưới, cuống dài 2 - 3 mm, lá bẹ mau rụng. Phát hoa đực trên cọng dài; lá hoa và lá đài có lông trắng; lá đài có sừng to, cao ở lưng, tiêu nhị 5. Cụm hoa cái có lá đài 5 không bằng nhau.

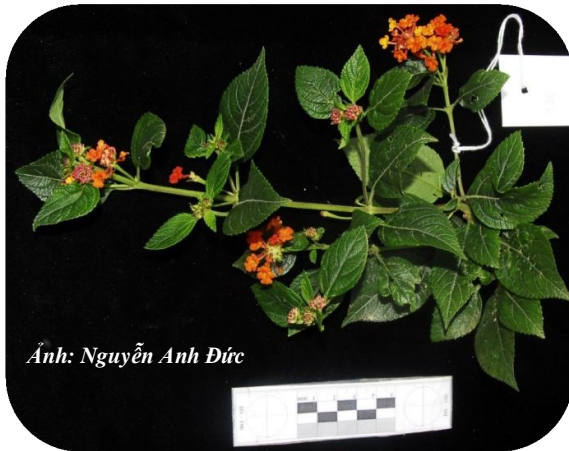


- **Sinh thái học:** Mọc trong rừng ẩm ở độ cao 900 - 1500 m.

- **Công dụng:** Toàn cây trị đòn ngã tổn thương, máu ứ thâm tím, đau răng và rắn độc cắn. Rễ chứa ghê.

## Họ Cỏ Roi Ngựa - Verbenaceae

### 47. Loài Thom ổi - *Lantana camara* L.



- **Mô tả:** Bụi cao 1 - 1,5 m, thân có 4 cạnh, có gai nhỏ cong, nhiều. Lá có phiến rất nhám, bìa có răng. Hoa đầu ở nách lá và ngọn, hoa nhiều màu và biến màu, vàng nhạt rồi vàng rồi cam đỏ, tiểu nhị 4, gắn ở gần miệng ống vành. Quả nhân cứng, đen, ngọt, ăn được song còn non thì độc. Nhân 1 - 2 hạt. Nhiều thứ.

- **Sinh thái học:** Bụi cao 1 - 2 m. Mọc rải rác ven rừng, các bãi hoang, ven đường, trảng cây bụi, đồi trung du, ven bờ biển, ở độ cao đến 1500 m. Ra hoa quả gần như quanh năm.

- **Công dụng:** Làm cảnh. Làm thuốc chữa sốt, phong thấp, quai bị, ho ra máu, lao phổi, hạ huyết áp. Lá chữa viêm da, rửa vết thương, lở ngứa, mụn nhọt; dùng ngoài da chấn thương, bầm dập, chảy máu.

## IV.2. Lớp Hành / Lớp Một Lá Mầm - Liliopsida

### Họ Thài Lài - Commelinaceae

### 48. Loài Trai thường - *Commelina communis* L.

- **Mô tả:** Cỏ gần như không lông, cao 50 cm, thân có rễ ở mắt. Bẹ cao 1 - 2 cm, có rìa lông ở miệng, phiến thon hẹp, dài 3 - 5 cm. Mo xếp hai, thường có lông dài, thường mang hai chùm ngắn, ít hoa; hoa lam, cánh hoa dài 2 - 3,5 mm, tiểu nhị 6, 5 vàng vàng và có buồng phấn hình đầu rìu, 1 có hình thể bình thường. Nang 4 hạt, hạt có bì không màng.



- **Sinh thái học:** Mọc nơi đất ẩm ven đường, ven rừng, ven sông suối, ven sông.

- **Công dụng:** Cả cây dùng làm thuốc thanh nhiệt giải độc, lợi tiểu, giã đắp chỗ rắn độc cắn.

**49. Loài Trai nhật - *Murdannia japonica* (Thunb.) Faden**



- **Mô tả:** Cỏ khá to, cao đến 70 cm. Rễ bó và phù thành củ. Lá có phiến bầu dục. Lá trên to 3 - 14 × 2 - 4 cm, đáy tròn tròn. Lá dưới 3,7 - 7 × 2 - 3 cm, không cuống, dài, đáy hẹp hơn. Cụm hoa dạng tụ - tán. Cánh hoa trắng dài 3 - 5 mm. Tiểu nhụy thụ 3 (2). Nang bầu dục hơi có 3 cạnh tròn; lá đài còn lại. Hạt 3 - 5/buồng.

- **Sinh thái học:** Mọc nơi đất ẩm ven rừng, dưới rừng, ven suối, ven đường.

- **Công dụng:** Chưa rõ.

**Họ Lan - Orchidaceae**

**50. Loài Lan trúc – *Arundina graminifolia* (D. Don) Hochr.**



- **Mô tả:** Địa lan cao 0,5 - 2 m. Thân to 6 mm. Lá như lá họ hòa thảo, rộng 8 - 15 mm, dài 20 cm. Chùm đứng, đơn hay kép, 3 - 5 hoa, phiến hoa hơi tía, cánh hoa to hơn lá đài, môi đẹp, đỏ hay tía, có bột vàng và 3 sọc dọc, đầu chẻ hai, phần khối 8. Nang to.

- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trong rừng thưa, ven rừng, nơi ẩm, ở độ cao 300 - 1500 m.

- **Công dụng:** Trồng làm cảnh. Trị viêm gan vàng da, bệnh đường tiết niệu, đau thấp khớp, ăn uống trúng độc.

**51. Loài Thờ sinh lá nhỏ - *Zeuxine parvifolia* (Rendl.) Seid.**

- **Mô tả:** Địa lan, có thân nằm rồi đứng, cao đến 30 cm, thân to 4 mm, lông dài 2 - 3 cm. Lá 2 - 3, phiến xoan đến 4 x 2 cm, cuống và bẹ dài 1,5 cm. Phát hoa cao 3 - 4 cm, mang 10 - 15 hoa, lá hoa 7 - 8 mm, noãn sào có lông mịn. Lá đài giữa và cánh hoa dính với nhau thành chóp cao 3 mm. Phiến hoa 3 - 4 mm, môi trắng, có cọng ngắn, mang thùy chót hình mũi neo.



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

- **Sinh thái học:** Mọc rải rác trong rừng ở độ cao khoảng 400 m.

- **Công dụng:** Chưa rõ

**Họ Gừng - Zingiberaceae**

**52. Loài Sa nhân giác - *Silquamomum tonkinense* H. Baill.**



Ảnh: Nguyễn Anh Đức

- **Mô tả:** Cỏ cao hơn 60 cm, căn hành ngắn, to 1 cm. Phiến lá dài 20 - 33 cm, không lông, mép không lông. Chùm hoa dài, đài cao 15 mm, vành không lông, môi xoan, tiểu nhị ngắn. Noãn sào 1 buồng.

- **Sinh thái học:** Thường mọc ở vùng núi đất đá mùn ẩm, ven suối, dưới tán rừng ở độ cao 800 - 1500 m. Mùa hoa tháng 6 - 8, có quả 8 - 11.

- **Công dụng:** Gốc và rễ băm nhỏ, phơi khô, nấu nước uống hàng ngày chữa đau dạ dày, xuất huyết dạ dày.



## Tài liệu tham khảo

1. Bộ Khoa học và Công nghệ - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007) Sách Đỏ Việt Nam - *Phần thực vật*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
2. Nguyễn Tiến Bân (chủ biên) (2003), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, tập II, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Nguyễn Tiến Bân (chủ biên) (2005), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, tập III, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2000. *Cây cỏ Việt Nam*, tập 1-3, Nxb Trẻ. Tp. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Nghĩa Thìn (2004), *Hệ sinh thái rừng nhiệt đới*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn (2004), *Hệ thực vật và đa dạng loài*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường (2001), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp.
9. [http://: www.mnhn.fr](http://www.mnhn.fr)